

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 1078/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 291/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể khoản 1, điều 19, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

b) Đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại điểm c, khoản 1, điều này.

- Hộ gia đình, cá nhân tham gia thực hiện dự án đầu tư tại điểm a, khoản 2, điều này.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách tại Nghị quyết này.

c) Nguyên tắc áp dụng

- Thực hiện theo quy định tại điều 4, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù tại Nghị quyết này.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Cơ chế và chính sách tập trung đất đai

- Trường hợp doanh nghiệp thuê, thuê lại, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân mà phải chuyển mục đích sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất phải nộp khi thực hiện chuyển mục đích.

- Các hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, hợp đồng trực tiếp với doanh nghiệp hoặc thông qua hợp tác xã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp để hình thành vùng nguyên liệu, thời gian liên kết ổn định (*tối thiểu 10 năm đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm; tối thiểu 15 năm đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên*), thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần để ổn định đời sống, sản xuất trong 03 năm đầu do thay đổi phương thức sản xuất, như sau:

+ Mức hỗ trợ: Đất trồng lúa nước 02 vụ: 150 triệu đồng/ha; Đất trồng lúa nước 01 vụ: 65 triệu đồng/ha; Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm, đất thủy sản: 40 triệu đồng/ha; Đất lâm nghiệp và các loại đất khác: 15 triệu đồng/ha.

+ Diện tích hỗ trợ: Tổng diện tích đất lúa được hỗ trợ chuyển đổi phương thức sản xuất không quá 1.500 ha, trong đó đất lúa 02 vụ không quá 500 ha và đất lúa 01 vụ không quá 1.000 ha; Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm, đất thủy sản được hỗ trợ chuyển đổi phương thức sản xuất không quá 2.000 ha; Tổng diện tích đất lâm nghiệp và các loại đất khác hỗ trợ chuyển đổi phương thức sản xuất không quá 5.000 ha.

- Hỗ trợ 100% kinh phí đo đạc, chỉnh lý biên động hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phục vụ công tác thuê, thuê lại, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp thực hiện tập trung đất đai theo hình thức hợp đồng liên kết hình thành vùng nguyên liệu, thuê, thuê lại đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thông qua hợp đồng ký kết với các hộ gia đình, cá nhân (người sử dụng đất) theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về đất đai, được Ủy ban nhân dân xã/thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) xác nhận.

- Trường hợp được các hộ gia đình, cá nhân (người sử dụng đất) ủy quyền thì hợp tác xã đại diện cho người sử dụng đất thực hiện thủ tục cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng liên kết hình thành vùng nguyên liệu với doanh nghiệp, được UBND cấp xã xác nhận.

b) Chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng và phương thức hỗ trợ lãi suất

- Chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng

+ Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh được các ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng hợp pháp (viết tắt là tổ chức tín dụng) trên địa bàn tỉnh chấp thuận cho vay thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất tiền vay sau khi dự án hoàn thành, như sau:

+ Mức hỗ trợ lãi suất: Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 8, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

+ Thời gian hỗ trợ lãi suất: Tính từ ngày tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân đến ngày kết thúc hợp đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng không quá 8 năm.

+ Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Là mức vốn vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Phương thức hỗ trợ lãi suất

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp thông qua hệ thống kho bạc nhà nước tỉnh theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với tổ chức tín dụng trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

3. Nguồn vốn hỗ trợ

a) Ngân sách Trung ương: Thực hiện theo điều 14, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; khoản 1, điều 5, Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Ngân sách địa phương: Hàng năm, căn cứ điều kiện thực tế và khả năng cân đối, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách này.

c) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các quỹ hợp pháp khác.

4. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các dự án đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương thì thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, điều 20 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

b) Đối với dự án sử dụng nguồn ngân sách địa phương thì áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn